

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH
BÁO CÁO TÀI CHÍNH
cho Quý 3 năm 2017



MỤC LỤC

	Trang
Bảng cân đối kế toán	2 – 5
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	6
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	7 – 8
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	9 – 22

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2017

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
1	2	3	4	5
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		79.842.936.174	77.850.131.763
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		839.017.497	5.505.249.071
1. Tiền	111		839.017.497	5.505.249.071
2. Các khoản tương đương tiền	112			
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120			
1. Chứng khoán kinh doanh	121			
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh (*)	122			
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123			
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		49.989.312.700	51.305.685.450
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131		49.511.490.583	49.867.244.212
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		477.822.117	1.335.617.723
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133			
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134			
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135			
6. Phải thu ngắn hạn khác	136			102.823.515
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	137			
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139			
IV. Hàng tồn kho	140		10.075.748.566	4.153.548.855
1. Hàng tồn kho	141		10.075.748.566	4.153.548.855
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149			
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		18.938.857.411	16.885.648.387
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		2.157.709.556	122.086.247
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		179.538.923	
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		16.601.608.932	16.763.562.140
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154			
5. Tài sản ngắn hạn khác	155			
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		72.311.517.018	42.464.620.535
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		43.479.425	43.479.425
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211			
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212			
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213			
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214			

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215			
6. Phải thu dài hạn khác	216		43.479.425	43.479.425
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219			
II. Tài sản cố định	220		38.424.300.303	34.175.913.668
1. Tài sản cố định hữu hình	221		38.424.300.303	34.175.913.668
- Nguyên giá	222		64.382.657.263	57.012.890.741
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(25.958.356.960)	(22.836.977.073)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224			
- Nguyên giá	225			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226			
3. Tài sản cố định vô hình	227			
- Nguyên giá	228			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229			
III. Bất động sản đầu tư	230			
- Nguyên giá	231			
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	232			
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		5.323.331.967	1.610.169.837
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241			
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.323.331.967	1.610.169.837
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		23.159.036.630	200.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		22.409.036.630	
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252			
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		750.000.000	200.000.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn (*)	254			
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255			
VI. Tài sản dài hạn khác	260		5.361.368.693	6.435.057.605
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		5.361.368.693	6.435.057.605
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262			
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263			
4. Tài sản dài hạn khác	268			
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		152.154.453.192	120.314.752.298
NGUỒN VỐN				
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		97.827.838.539	66.423.849.288
I. Nợ ngắn hạn	310		89.974.733.964	58.947.169.713
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311		35.863.859.890	30.343.211.431
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		1.179.690.099	523.872.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313		1.471.610.228	2.138.613.998

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
4. Phải trả người lao động	314		1.657.578.122	1.237.447.478
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		112.090.905	95.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316			
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317			
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318			
9. Phải trả ngắn hạn khác	319		8.801.195.401	357.882.509
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		40.888.709.319	24.251.141.697
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321			
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322			
13. Quỹ bình ổn giá	323			
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324			
II. Nợ dài hạn	330		7.853.104.575	7.476.679.575
1. Phải trả người bán dài hạn	331			
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332			
3. Chi phí phải trả dài hạn	333			
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334			
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335			
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336			
7. Phải trả dài hạn khác	337			
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		7.853.104.575	7.476.679.575
9. Trái phiếu chuyển đổi	339			
10. Cổ phiếu ưu đãi	340			
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341			
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342			
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343			
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		54.326.614.653	53.890.903.010
I. Vốn chủ sở hữu	410		54.326.614.653	53.890.903.010
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b			
2. Thặng dư vốn cổ phần	412			
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413			
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414			
5. Cổ phiếu quỹ (*)	415			
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416			
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417			
8. Quỹ đầu tư phát triển	418			

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	30/09/2017	01/01/2017
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419			
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420			
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		9.326.614.653	8.890.903.010
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		4.390.903.010	5.750.940.153
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		4.935.711.643	3.139.962.857
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422			
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430			
1. Nguồn kinh phí	431			
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432			
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		152.154.453.192	120.314.752.298

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2017



Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Quý 3 năm 2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3		Lũy kế từ đầu năm đến cuối Quý này	
				Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1	VI.01	33.000.030.851	27.711.204.170	99.935.426.382	79.078.706.130
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	2					
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		33.000.030.851	27.711.204.170	99.935.426.382	79.078.706.130
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	27.882.506.222	23.530.529.349	84.726.838.107	66.983.860.456
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.117.524.629	4.180.674.821	15.208.588.275	12.094.845.674
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	79.290.010	3.073.447	81.185.780	4.886.160
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	1.058.568.881	755.494.708	2.828.788.273	2.049.677.441
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		1.058.568.881	755.494.708	2.828.788.273	2.043.756.727
8.	Chi phí bán hàng	25	VI.07	1.170.866.558	1.052.805.668	3.479.799.475	3.650.297.704
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.07	819.997.941	1.193.252.511	2.866.951.977	3.190.170.386
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		2.147.381.259	1.182.195.381	6.114.234.330	3.209.586.303
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	115.160.395		115.160.395	
12.	Chi phí khác	32	VI.06	27.246.331		53.053.403	116.812.781
13.	Lợi nhuận khác	40		87.914.064	-	62.106.992	- 116.812.781
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		2.235.295.323	1.182.195.381	6.176.341.322	3.092.773.522
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.08	447.059.065	396.439.076	1.240.629.679	618.554.704
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52					
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.788.236.258	785.756.305	4.935.711.643	2.474.218.818
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.09	397	175	1.097	550
19.	Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.10	397	175	1.097	550

Người lập biểu



Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng



Hoàng Hạnh Phúc



Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		139.020.767.242	86.793.013.516
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(113.752.885.652)	(77.031.424.656)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(3.950.810.174)	(2.994.167.990)
4.	Tiền lãi vay đã trả	04		(2.828.788.273)	(2.042.583.052)
5.	Thuế TNDN đã nộp	05		(1.192.146.125)	(1.688.793.417)
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		396.171.913	95.623.734
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(6.921.240.974)	(1.780.154.240)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		10.771.067.957	1.351.513.895
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		(4.992.255.523)	(12.021.637.152)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22			
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23			(1.125.000.000)
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24			1.125.000.000
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(22.959.036.630)	
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26			
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27			2.166.395
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(27.951.292.153)	(12.019.470.754)

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/09/2016
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31			
2.	Tiền trả lại vốn góp của chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32			
3.	Tiền thu từ đi vay	33		83.268.926.143	59.729.949.560
4.	Tiền trả nợ gốc vay	34		(66.254.933.521)	(53.130.953.971)
5.	Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35			
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(4.500.000.000)	
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		12.513.992.622	6.598.995.589
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(4.666.231.574)	(4.068.961.270)
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		5.505.249.071	4.699.272.510
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61			
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		839.017.497	630.311.240

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



Đặng Việt Lê

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Từ 01/01/2017 đến 30/09/2017

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất vật liệu xây dựng.

03. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động chính của Công ty trong kỳ hiện tại là sản xuất gạch không nung các loại.

04. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

05. Cấu trúc doanh nghiệp

<u>Tên Công ty con</u>	<u>Địa chỉ</u>	<u>Tỷ lệ lợi ích của Công ty tại ngày 30/9/2017</u>
- Công ty TNHH Sản xuất Gạch Khang Minh	Thôn Tân Lâm, trị trấn Kiện Khê, huyện Thanh Liêm, tỉnh Hà Nam	100%

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 của Bộ Tài Chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng.

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

02. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào Công ty con

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Giá trị ghi sổ của các khoản đầu tư vào các Công ty con được xác định theo giá gốc. Giá gốc bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp.

03. Các khoản nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc của các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

04. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

05. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Cụ thể như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 – 12 năm
- Máy móc, thiết bị	03 – 12 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 08 năm
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 08 năm
- TSCĐ hữu hình khác	05 – 08 năm

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các kỳ kế toán sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ kế toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

07. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

08. Nguyên tắc ghi nhận vay

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay nợ và kỳ hạn phải trả của các khoản vay.

09. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Trường hợp trả cổ tức, lợi nhuận cho chủ sở hữu quá mức số lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận như trường hợp giảm vốn góp. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản tiền đã thu hoặc sẽ thu được theo nguyên tắc kế toán dồn tích. Các khoản nhận trước của khách hàng không được ghi nhận là doanh thu trong kỳ.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

11. Nguyên tắc ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của thành phẩm bán trong kỳ.

Giá vốn hàng bán được ghi nhận phù hợp với Doanh thu đã phát sinh bao gồm cả việc trích trước chi phí vào giá vốn hàng bán.

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong kỳ hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tiền mặt	92.266.872	640.182.059
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	746.750.625	4.865.067.012
Cộng	<u>839.017.497</u>	<u>5.505.249.071</u>

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

02. Các khoản đầu tư tài chính**1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác**

	Số cuối kỳ					Số đầu năm				
	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	% sở hữu	% quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
- Đầu tư vào công ty con			22.409.036.630	-	22.409.036.630			-	-	-
- Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	100	100	22.409.036.630	-	22.409.036.630			-	-	-
- Đầu tư vào đơn vị khác			750.000.000	-	750.000.000			200.000.000	-	200.000.000
+ Công ty Cổ phần Vận tải và dịch vụ Khang Minh	15	15	750.000.000	-	750.000.000	15	15	200.000.000	-	200.000.000
Cộng			23.159.036.630		23.159.036.630			200.000.000	-	200.000.000

Các giao dịch trọng yếu giữa Công ty và Công ty con và đơn vị khác trong kỳ:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Góp vốn đầu tư		
Công ty TNHH Sản xuất gạch Khang Minh	22.409.036.630	-
Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ Khang Minh	750.000.000	200.000.000

03. Phải thu của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Phải thu của khách hàng ngắn hạn	49.081.421.691	49.867.244.212
b. Trả trước cho người bán ngắn hạn	477.822.117	1.335.617.723
Tổng	49.559.243.808	51.202.861.935

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

04. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn		-	102.823.515	-
- Tạm ứng		-	101.759.879	-
- Phải thu khác		-	1.063.636	-
		-		-
b. Dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	43.479.425	-	43.479.425	-
Cộng	43.479.425	-	146.302.940	-

05. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
- Nguyên liệu, vật liệu	3.046.395.817	-	1.771.239.479	-
- Công cụ, dụng cụ	185.053.192	-	44.317.468	-
- Thành phẩm	6.844.299.557	-	2.338.991.908	-
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	10.204.419.587	-	4.154.548.855	-

06. Tài sản dở dang dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		
- Bãi dưỡng gạch		1.610.169.837
- Trạm cân	49.279.809	
- Mua BĐS (văn phòng đại diện tại Hà Nội- chưa hoàn thiện bàn giao)	5.274.097.469	
Cộng	5.323.331.967	1.610.169.837

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

07. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>13.138.403.005</i>	<i>34.282.678.650</i>	<i>7.995.818.177</i>	<i>847.772.727</i>	<i>748.218.182</i>	<i>57.012.890.741</i>
- Mua trong kỳ		6.190.100.000	810.000.000			7.000.100.000
- Đầu tư XDCB hoàn thành						
- Tăng khác	3.203.394.522					3.203.394.522
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		-2.833.728.000				-2.833.728.000
- Giảm khác						
<i>Số dư cuối Quý 3/2017</i>	<i>16.341.797.527</i>	<i>37.639.050.650</i>	<i>8.805.818.177</i>	<i>847.772.727</i>	<i>748.218.182</i>	<i>64.382.657.263</i>
II. Giá trị hao mòn lũy kế						
<i>Số dư đầu năm</i>	<i>6.741.131.957</i>	<i>13.649.077.904</i>	<i>1.704.289.486</i>	<i>133.863.631</i>	<i>608.614.095</i>	<i>22.836.977.073</i>
- Khấu hao trong kỳ	1.161.952.232	3.630.260.642	1.012.533.395	85.380.678	64.980.940	5.955.107.887
- Tăng khác						
- Chuyển sang bất động sản đầu tư						
- Thanh lý, nhượng bán		-2.833.728.000				-2.833.728.000
- Giảm khác						
<i>Số dư cuối Quý 3/2017</i>	<i>7.903.084.189</i>	<i>14.445.610.546</i>	<i>2.716.822.881</i>	<i>219.244.309</i>	<i>673.595.035</i>	<i>25.958.356.960</i>
III. Giá trị còn lại						
<i>1. Tại ngày đầu năm</i>	<i>6.397.271.048</i>	<i>20.633.600.751</i>	<i>6.291.528.686</i>	<i>713.909.096</i>	<i>139.604.087</i>	<i>34.175.913.668</i>
<i>2. Tại ngày cuối Quý 3/2017</i>	<i>8.438.713.338</i>	<i>23.193.440.104</i>	<i>6.088.995.296</i>	<i>628.528.418</i>	<i>74.623.147</i>	<i>38.424.300.303</i>

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí trả trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	2.157.709.556	122.086.247
- Chi phí trả trước về thuê văn phòng		51.377.905
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.157.709.556	70.708.342
I. Dài hạn	5.361.368.693	6.435.057.605
- Giá trị công cụ dụng cụ đã xuất dùng chờ phân bổ	2.608.917.291	3.620.116.638
- Chi phí san lấp mặt bằng	2.749.118.076	2.796.607.638
- Các khoản khác	3.333.326	18.333.329
Cộng	7.519.078.249	6.557.143.852

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Vay và nợ thuê tài chính

	Số đầu năm		Số trong kỳ		Số cuối kỳ	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Vay ngắn hạn	24.251.141.697	24.251.141.697	78.806.333.143	62.168.765.521	40.888.709.319	40.888.709.319
- Vay ngân hàng	24.251.141.697	24.251.141.697	78.806.333.143	62.168.765.521	40.888.709.319	40.888.709.319
+ Ngân hàng Hợp tác	10.267.051.829	10.267.051.829	7.965.011.088	10.637.051.829	7.595.011.088	7.595.011.088
+ Ngân hàng MB	13.067.589.868	13.067.589.868	70.841.322.055	50.615.213.692	33.293.698.231	33.293.698.231
+ Ngân hàng VP bank	916.500.000	916.500.000		916.500.000		
b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	7.476.679.575	7.476.679.575	4.462.593.000	4.086.168.000	7.853.104.575	7.853.104.575
- Vay ngân hàng	7.476.679.575	7.476.679.575	4.462.593.000	4.086.168.000	7.853.104.575	7.853.104.575
+ Ngân hàng Hợp tác	4.071.550.000	4.071.550.000		2.487.320.000	1.584.230.000	1.584.230.000
+ Ngân hàng MB	3.405.129.575	3.405.129.575	4.462.593.000	1.598.848.000	6.268.874.575	6.268.874.575
Cộng	31.727.821.272	31.727.821.272	83.268.926.143	66.254.933.521	48.741.813.894	48.741.813.894

Đơn vị tính: VND

10. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a. Phải trả người bán ngắn hạn	35.863.859.890	35.863.859.890	30.343.211.431	30.343.211.431
b. Người mua trả tiền trước	1.179.690.099	1.179.690.099	523.872.600	523.872.600
Cộng	37.043.549.989	37.043.549.989	30.867.084.031	30.867.084.031

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số phải thu đầu năm	Số phải nộp đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số phải thu cuối kỳ	Số phải nộp cuối quý
- Thuế GTGT đầu ra		946.467.873	839.016.017	1.746.386.718		39.097.172
- Thuế GTGT hàng nhập khẩu						1.240.629.679
- Thuế thu nhập doanh nghiệp		1.192.146.125	1.240.629.679	1.192.146.125		191.883.377
- Thuế thu nhập cá nhân	3.332.852		243.468.946	48.252.717		
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	16.760.229.288		158.620.356		16.601.608.932	
- Phí, lệ phí và các khoản khác			3.000.000	3.000.000		
Cộng	16.763.562.140	2.138.613.998	2.484.734.998	2.989.785.560	16.601.608.932	1.471.610.228

12. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn		95.000.000
- Trích trước chi phí thuê văn phòng	112.090.905	
- Trích trước chi phí khác		95.000.000
b. Dài hạn		
Cộng	112.090.905	95.000.000

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

13. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
a. Ngắn hạn	501.195.401	357.882.509
- Kinh phí công đoàn	244.626.228	181.824.553
- Bảo hiểm xã hội	256.569.173	176.057.956
- Các khoản phải trả, phải nộp khác(*) Ông Đặng Việt Lê- Chủ tịch HĐQT	8.300.000.000	
b. Dài hạn		
Cộng	8.801.195.401	357.882.509

(*) Khoản mượn tiền để bổ sung vốn lưu động, phục vụ sản xuất kinh doanh không tính lãi.

14. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn góp của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	45.000.000.000	5.750.940.153	50.750.940.153
Tăng vốn trong năm trước			
Lãi trong năm trước		3.139.962.857	3.139.962.857
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm trước	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm trước	45.000.000.000	8.890.903.010	53.890.903.010
Số dư đầu năm nay			
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	4.935.711.673	4.935.711.673
Tăng khác	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm 2015	-	4.500.000.000	4.500.000.000
Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm nay	45.000.000.000	9.326.614.653	54.326.614.653

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	30/09/2017	Tỷ lệ	Số đầu năm	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Ông Đặng Việt Lê	15.000.000.000	33%	15.000.000.000	33%
- Ông Phạm Quang Anh	-	0%	-	0%
- Ông Lê Hoài An	1.500.000.000	3%	1.500.000.000	3%
- Cổ đông khác	28.500.000.000	64%	28.500.000.000	64%
Cộng	45.000.000.000	100	45.000.000.000	100

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

CÔNG TY CỔ PHẦN GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	45.000.000.000	45.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	45.000.000.000	45.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-
+ Cổ tức, lợi nhuận chia trên lợi nhuận năm trước	4.500.000.000	4.500.000.000
+ Cổ tức, lợi nhuận tạm chia trên lợi nhuận năm này	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	4.500.000	4.500.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	4.500.000	4.500.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016</u>
Doanh thu bán thành phẩm	99.935.426.382	79.078.706.130
Cộng	99.935.426.382	79.078.706.130

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016</u>
Giá vốn của thành phẩm đã bán	84.726.838.107	66.983.860.456
Cộng	84.726.838.107	66.983.860.456

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	<u>Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017</u>	<u>Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016</u>
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	81.185.780	4.886.160
Cộng	81.185.780	4.886.160

Đơn vị tính: VND

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

04. Chi phí tài chính

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Lãi tiền vay	2.828.788.273	2.043.576.727
- Lỗ chênh lệch tỷ giá		6.100.714
- Chi phí tài chính khác		-
Cộng	2.828.788.273	2.049.677.441

05. Chi phí khác

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý		115.946.201
- Lãi nộp chậm bảo hiểm	39.722.818	866.580
- Phạt chậm nộp thuế	13.330.585	-
Cộng	53.053.403	116.812.781

06. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
<i>a. Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh</i>	<i>2.867.594.377</i>	<i>3.190.170.386</i>
<i>b. Các khoản chi phí bán hàng phát sinh</i>	<i>3.479.799.475</i>	<i>3.650.297.704</i>
Cộng	6.347.393.852	6.840.468.090

07. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (thuế suất 20%)	1.240.629.679	618.554.704
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN hiện hành năm nay		-
- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	1.240.629.679	618.554.704

08. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN của cổ đông	4.935.711.673	2.474.218.818
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông		-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	4.935.711.673	2.474.218.818
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.500.000	4.500.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.097	550

CÔNG TY GẠCH KHANG MINH

Cụm công nghiệp mở rộng Tây Nam, xã Thanh Sơn, huyện Kim Bảng, tỉnh Hà Nam

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

09. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	56.636.242.483	30.605.435.455
- Chi phí nhân công	15.043.613.311	10.436.878.268
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	5.955.107.887	4.728.946.158
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.381.920.410	2.571.145.912
- Chi phí khác bằng tiền	2.335.389.121	1.729.073.603
Cộng	82.352.273.212	50.071.479.396

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYÊN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

Không có thông tin.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Ban lãnh đạo Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 30 tháng 9 năm 2017 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính giữa niên độ.

02. Giao dịch với các bên liên quan**Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan**

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Ban lãnh đạo, kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	
Hội đồng quản trị		
Mượn tiền	8.300.000.000	
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hội đồng quản trị		
+ Phải trả khác (Ông Đặng Việt Lê)	8.300.000.000	-
Cộng nợ phải trả	8.300.000.000	-

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Từ 01/01/2017 đến 30/9/2017	Từ 01/01/2016 đến 30/9/2016
Tiền lương, thưởng, phụ cấp	1.411.865.029	922.572.003
Cộng	1.411.865.029	922.572.003

Người lập biểu

Đinh Thị Thu Hà

Kế toán trưởng

Hoàng Hạnh Phúc

Hà Nam, ngày 17 tháng 10 năm 2017

Chủ tịch HĐQT

Đặng Việt Lê